TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DSST
Ngày: 26/01/2022
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thùy Mỵ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST - DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về "*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 839/2021/QĐST – DS ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Bà **Nguyễn Thị Thủy C.**, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu vực 3, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Văn L.**, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu vực 3, phường H, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thúy Ph. - Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021.

Địa chỉ: Số 9D, Lê Thánh Tôn, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

** Bi đơn:* Bà **Trần Thị H.**, sinh năm 1961

Địa chỉ: đường số 25, khu vực 1, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Hoàng Đ.**, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu vực 3, phường H, quận Cái Răng, thành phố) Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Văn H1.**, sinh năm 1986

Địa chỉ: khu vực 3, phường H, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Ông Đ., ông H1. đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh B. - Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2021.

Địa chỉ: khu tái định cư P, phường P, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

3. **Văn phòng Công chứng A**

Địa chỉ: đường V, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ,

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Giang N - Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2021.

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thúy Ph. trình bày và yêu cầu:*

Cha của bà Nguyễn Thị Thủy C. và ông Nguyễn Văn L. là ông Nguyễn Văn Tiện, sinh năm 1948 chết ngày 21/04/2015 và mẹ Bà Nguyễn Thị Xê sinh năm 1950 chết ngày 30/11/2015, được cấp nền tái định cư tại khu Trung Tâm Văn Hóa Tây Đô, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ, thửa số: 500, tờ BĐ: 15, diện tích: 90m^2. Lúc sinh thời ông bà sinh 04 người con gồm: ông Nguyễn Văn L., sinh năm 1971, ông Nguyễn Hoàng Đ., sinh năm 1980, ông Nguyễn Văn H1., sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị Thủy C., sinh năm 1984. Khi cha mẹ bà C. và ông L. chết thì ông Nguyễn Hoàng Đ. và ông Nguyễn Văn H1. đã lập Hợp đồng ủy quyền giả mạo chữ ký của bà Nguyễn Thị Thủy C. và ông Nguyễn Văn L. để ủy quyền cho bà Trần Thị H. nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến nay, bà C. và ông L. mới phát hiện Hợp đồng ủy quyền số 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn Phòng Công Chứng A chứng nhận ngày 23/01/2016 là giả mạo chữ ký và giấy tờ tùy thân của bà C. và ông L.. Vì vậy, bà C. và ông L. khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng ủy quyền nêu trên.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng Đ. và ông Nguyễn Văn H1., ông Nguyễn Thanh B. trình bày:*

Theo bản tự khai ngày 09/12/2021 của ông Nguyễn Thanh B. thể hiện ông Nguyễn Hoàng Đ. và ông Nguyễn Văn H1. là con ruột của ông Nguyễn Văn Tiện và bà Nguyễn Thị Xê. Trước đây, ông Tiện và bà Xê được cấp tái định cư tại Trung tâm văn hóa Tây Đô, sau đó, bà Nguyễn Thị Xê bán suất tái định cư cho bà Trần Thị H.. Việc bán suất tái định cư bao nhiêu tiền thì ông Đ., ông H1. không biết. Phía bà H. là người mua nên bà làm các giấy tờ mua bán. Do bà Xê qua đời, nên bà H. có yêu cầu ông H1., ông Đ. ký giấy ủy quyền cho bà H. quản lý nền tái định cư này. Nay, ông L., bà C. khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, thì ông Đ., ông H1. đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Phòng Công chứng A, ông Nguyễn Giang N trình bày:*

Theo bản tự khai ngày 19/01/2022 của ông Nguyễn Giang N thể hiện, ngày 23 tháng 01 năm 2016 Văn phòng Công chứng A nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H.. Sau khi đối chiếu các quy định của pháp luật, đối chiếu các loại giấy tờ chứng minh nhân thân, các giấy tờ hợp lệ khác đều là bản chính do cơ quan có thẩm quyền cấp. Tại thời điểm giao dịch, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối hay ép buộc. Công chứng viên cũng đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ các bên khi giao kết hợp đồng, các bên cũng đã đọc lại và thống nhất với nội dung hợp đồng. Sau đó, các bên đồng ý ký tên vào hợp đồng trước mặt Công chứng viên. Vì vậy hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H. là phù hợp và tuân thủ các trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật tại thời điểm công chứng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc thụ lý của Toà án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, điều tra thu thập chứng cứ đầy đủ, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng hạn, tuy nhiên chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát trễ hạn theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng A ký công chứng ngày 23/01/2016 giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H..

Vụ án không hòa giải được do bị đơn vắng mặt tại các lần hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn Phòng Công Chứng A chứng nhận ngày 23/01/2016 giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H.. Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền nên xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ theo hợp đồng bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn "…*Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung*...". Qua công tác xác minh bà Trần Thị H. không có cư trú tại địa chỉ số 35, đường số 25, khu vực 1, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhưng bà H. không thông báo địa chỉ mới vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo địa chỉ đã thể hiện trong hợp đồng ủy quyền đã ký.

Bị đơn – bà Trần Thị H. được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1., ông Nguyễn Hoàng Đ. là ông Nguyễn Thanh B. và ông Nguyễn Giang N - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng A đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn Phòng Công Chứng A chứng nhận ngày 23/01/2016 giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H.. Hội đồng xem xét tính hợp pháp đối với hợp đồng ủy quyền đã ký:

- Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng ủy quyền đã được Văn phòng công chứng A ký công chứng 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 23/01/2016 là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nội dung của hợp đồng:

Đối với việc bà C. và ông L. cho rằng chữ ký của ông và bà trong hợp đồng là giả mạo. Hội đồng xét xử xét thấy, từ thời điểm khởi kiện đến nay mặc dù phía nguyên cho rằng chữ ký trong hợp đồng ủy quyền không phải là chữ ký của nguyên đơn nhưng không có yêu cầu giám định chữ ký. Hơn nữa, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng không phải chứng minh. Do đó, việc nguyên đơn nại ra có sự giả mạo chữ ký của bà C. và ông L. trong hợp đồng ủy quyền là chưa có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1. và ông Nguyễn Hoàng Đ. cho rằng Hợp đồng ủy quyền chỉ là hợp thức hóa cho việc bà Nguyễn Thị Xê chuyển nhượng nền tái định cư cho bà Trần Thị H. trước khi chết. Nhận thấy, căn cứ vào phạm vi ủy quyền tại Điều 1 của hợp đồng chỉ liên

quan đến nội dung những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Xê đang chờ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản và sử dụng đất đối với lô nền tái định cư, đồng ý ủy quyền cho bà H. được toàn quyền ký kết thỏa thuận chuyển nhượng nền tái định cư cho người mua xây dựng nhà ở đối với lô nền tài định cư thuộc Trung tâm văn hóa Tây Đô. Ngoài các nội dung nêu trên, trong hợp đồng không có nội dung nào liên quan đến việc những người thừa kế thỏa thuận chuyển nhượng lô nền tái định cư nêu trên cho H.. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà H. luôn vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến của bà H. về việc có chuyển nhượng hay không, vì vậy không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông H1. và ông Đ..

Qua xem xét những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Xê đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế và ngày 13/01/2021 đã được Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đất đối với lô nền tái định cư nêu trên. Đối chiếu với nội dung đã thỏa thuận tại Điều 1 và Điều 8 trong hợp đồng ủy quyền thì công việc ủy quyền đã hoàn thành nên Hợp đồng ủy quyền chấm dứt.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền đã được Văn phòng công chứng A ký công chứng 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD chứng nhận ngày 23/01/2016 giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H. là có cơ cở chấp nhận.

Trường hợp bị đơn bà Trần Thị H. chứng minh được việc ủy quyền là có thù lao và có yêu cầu thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn đã tạm ứng 4.704.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu đăng tin niêm yết công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà Trần Thị H.. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí là 6.000.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn phải chịu chi phí này, ghi nhận nguyên đơn đã nộp và chi xong.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị đơn bà Trần Thị H. phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 158, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 581, 589 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy C. và ông Nguyễn Văn L. về việc yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 383 Quyển 01 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng A ký công chứng ngày 23/01/2016 giữa ông Nguyễn Văn L., ông Nguyễn Hoàng Đ., ông Nguyễn Văn H1. và bà Nguyễn Thị Thủy C. với bà Trần Thị H..

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà C., ông L. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008048 ngày 23/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn phải chịu 4.704.000 đồng. nguyên đơn đã nộp và chi xong.

4. Về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu 6.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lai Ngọc Trí